

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 165/2019/DS-PT  
Ngày: 08/11/2019  
“Tranh chấp quyền sử dụng  
đất”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Hoàng Khải

*Các Thẩm phán:*

Ông Hồ Văn Luông

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Thanh Quyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang:** Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 06, 07, 08 tháng 11 năm 2019, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 41/2019/TLPT- DS ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 222/2019/QĐ-PT ngày 30 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Văn T1; Địa chỉ ấp 02, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

**2. Bị đơn:**

- Ông Võ Thanh T2; Địa chỉ ấp 02, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Thanh T2: Ông Võ Thanh Đ1; Địa chỉ ấp 02, xã Vĩnh Trung, huyện V, Hậu Giang.

- Bà Lê Thị C1 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị C1 gồm:

- Bà Võ Thị N1; bà Võ Thị P2; bà Võ Thị M2; ông Võ Thanh H2; ông Võ Văn P3; bà Võ Thị T4; bà Võ Thị H4; ông Võ Thanh Đ1; ông Võ Văn P5; Cùng địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị N1; bà Võ Thị P2; bà Võ Thị M2; ông Võ Thanh H2; ông Võ Văn P3; bà Võ Thị T4; bà Võ Thị H4; ông Võ Thanh Đ1; ông Võ Văn P5: Ông Võ Thanh Đ1; Địa chỉ ấp 02, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

- Bà Võ Thị O; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Huỳnh Thanh G3; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

- Ông Huỳnh Thanh P4; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

- Bà Võ Thị S1; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

- Bà Trần Thị L3; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

- Ông Nguyễn Thanh T6; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

- Ông Nguyễn Thanh T7; Địa chỉ ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang

*Người kháng cáo: Ông Nguyễn Văn T1*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 19/6/2009 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Ông khởi kiện yêu cầu ông Võ Thanh T2 trả lại cho ông phần đất theo đo đạc thực tế tại lược đồ số 138/TT.KTTN&MT ngày 15/10/2018 là phần đất số 2 có diện tích 83,6m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Đồng thời khởi kiện bà Lê Thị C1 (chết năm 2015) và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị C1 gồm: Bà Võ Thị N1; bà Võ Thị P2; bà Võ Thị M2; ông Võ Thanh H2; ông Võ Văn P3; bà Võ Thị T4; bà Võ Thị H4; ông Võ Văn Đ1; ông Võ Văn P5; bà Võ Thị O trả lại cho ông phần đất theo đo đạc thực tế tại lược đồ số 138/TT.KTTN&MT ngày 15/10/2018 là phần đất số 1 có diện tích 113,7m<sup>2</sup>, phần đất số 8 có diện tích 5,2m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu G3. Lý do phần đất gia đình ông sử dụng giáp ranh phần đất ông Võ Thanh T2 và bà Lê Thị C1, quá T1nh sử dụng đã bị các bị đơn lấn ranh như lược đồ số 138/TT.KTTN&MT ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên môi trường, thuộc Sở Tài

nguyên Môi trường tỉnh Hậu Giang. Phần đất gia đình ông sử dụng đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000306 ngày 10 tháng 7 năm 1996.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn ông Võ Thanh T2 ủy quyền cho ông Võ Thanh Đ1 trình bày: Phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Văn T1 là của ông Võ Thanh T2 được mẹ là Lê Thị C1 cho từ năm 2003 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2003, quá trình sử dụng có thửa số 631 giáp ranh đất với ông Nguyễn Văn T1, đến năm 2012 thì đổi đất cho ông Huỳnh Thanh G3 và hiện nay ông G3 đang canh tác phần đất này, quá trình đổi đất chỉ nói miệng không làm giấy tờ gì. Qua yêu cầu của nguyên đơn ông không đồng ý trả đất cho nguyên đơn.

Trước yêu cầu của nguyên đơn, ý kiến bị đơn ông Võ Thanh Đ1 đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị C1 và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1996 trình bày: Phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông, bà để lại cho bà Lê Thị C1, sau khi bà C1 chết thì các đồng thừa kế chưa chia. Phần đất tranh chấp là phần đất số 1 có diện tích  $113,7m^2$ , phần đất số 8 có diện tích  $5,2m^2$  phía gia đình ông đã ổn định từ năm 1999 đến nay, qua yêu cầu của nguyên đơn ông không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 169/2018/DS-ST ngày 27 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1.**

Buộc ông Võ Thanh T2 có trách nhiệm giao trả cho Nguyễn Văn T1 phần có diện tích  $83,6m^2$  (phần đất số 2 theo lược đồ đo vẽ ngày 15/10/2018) loại đất 2L, thuộc một phần thửa 631, tờ bản đồ số 06 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số N193950-00456 cấp ngày 31/10/2003 cho ông Võ Thanh T2, tọa lạc tại ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang (có sơ đồ đo vẽ kèm theo) có tứ cận như sau: ngang phía kinh 500 là  $0,31m$ , ngang phía kinh bào kiến là  $0,55m$ , chiều dài tiếp giáp thửa 629 là  $194,90m$ , chiều dài giáp thửa 631 là  $194,7m$ .

**2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1** yêu cầu bà Lê Thị C1 (chết năm 2015) và các người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Lê Thị C1 gồm: Bà Võ Thị N1; bà Võ Thị P2; bà Võ Thị M2; ông Võ Thanh H2; ông Võ Văn P3; bà Võ Thị T4; bà Võ Thị H4; ông Võ Thanh Đ1; ông Võ Văn P5; bà Võ Thị O trả lại cho ông phần đất theo đo đạc thực tế tại lược đồ số 138/TT.KTTN&MT ngày 15/10/2018 là phần đất số 1 có diện tích  $113,7m^2$ , phần đất số 8 có diện tích  $5,2m^2$  đất tọa lạc tại ấp 2, xã Vĩnh Trung, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Các đồng thừa kế của bà Lê thị C1 tiếp tục ổn định sử dụng phần đất này.

**3. Chi phí, lệ phí đo đạc định giá tài sản tranh chấp** là ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 21.525.683 đồng, ông Võ Thanh T2 phải nộp 10.000.000 đồng (trả lại cho Nguyễn Văn T1 số tiền này). Khấu trừ số tiền 31.525.683 đồng ông T1 đã nộp tạm ứng chi phí định giá tại tòa án ông T1 còn được nhận lại số tiền 10.000.000 đồng (do ông T2 nộp trả)

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 04 tháng 12 năm 2018, ông Nguyễn Văn T1 xem xét lại phần đất tranh chấp còn lại là 113,7m<sup>2</sup> và 5,2m<sup>2</sup> và yêu cầu xem xét lại chi phí lệ phí đo đạc. Buộc bị đơn ông Võ Văn T2 trả lại đất và chịu toàn bộ chi phí đo đạc

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn có sự thay đổi yêu cầu kháng cáo, cụ thể không yêu cầu ông T2 chịu chi phí đo đạc còn lại mà yêu cầu bị đơn bà Lê Thị C1 cũng như những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng bà C1 phải chịu. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng**

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 khởi kiện các bị đơn vì cho rằng đất được cấp cho hộ gia đình ông bị lấn ranh. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000306 ngày 10/7/1996 là cấp cho hộ Nguyễn Văn T1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại thời điểm hộ Nguyễn Văn T1 được cấp giấy có ông Nguyễn Văn T1 (chủ hộ), bà Trần Thị L3 (vợ ông T1) và các con bao gồm Nguyễn Hồng C (đã tách hộ năm 2011), Nguyễn Hồng L (tách hộ 2011), Nguyễn Thị Hồng C (xóa khẩu năm 2010), Nguyễn Thị A (xóa khẩu 2010), Nguyễn Thanh T6, Nguyễn Thanh T7 (tách hộ năm 2013), Nguyễn Thanh G3 (sinh năm: 1989, chuyển đi năm 2013), Nguyễn Hoài Th (sinh năm: 1991), Nguyễn Hồng Th (sinh năm: 1996). Khi giải quyết, cấp sơ thẩm chỉ xác định bà Trần Thị L3, anh Nguyễn Thanh T7, anh Nguyễn Thanh T6 tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đầy đủ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông T1 cho rằng ông là chủ hộ đại diện cho gia đình khởi kiện tranh chấp ranh. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 107 Bộ luật dân sự năm 2005 “Chủ hộ là đại diện của hộ gia đình trong các giao dịch dân sự vì lợi ích chung của hộ,...”. Trong vụ án này, ông T1 là người khởi kiện để đòi lại quyền lợi của hộ gia đình, không phải là thực hiện nghĩa vụ và không có sự phản đối của các thành viên còn lại, thêm vào đó giá trị phần đất tranh chấp không lớn (chỉ hơn 10 triệu đồng) so với tổng diện tích 16.585m<sup>2</sup> được cấp cho hộ Nguyễn Văn T1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngoài ra, vụ án đã kéo dài, được cấp sơ thẩm thụ lý năm 2009, việc xác định thêm các thành viên trong hộ cũng không làm thay đổi nội dung vụ án vì quyền lợi của các thành viên trong hộ và của ông T1 (chủ hộ) là thống nhất.

Do đó, để giải quyết triệt để vụ án, tránh tình trạng vụ án tiếp tục kéo dài nên Hội đồng xét xử tiếp tục giải quyết vụ án để xem xét yêu cầu của các đương sự, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm để tránh những sai sót tương tự.

[2] Đối với phần đất tranh chấp có diện tích  $83,6\text{m}^2$  các đương sự không có kháng cáo nên có hiệu lực thi hành kể từ hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Đối với phần đất tranh chấp có diện tích  $113,7\text{m}^2$  và  $5,2\text{m}^2$

Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất việc sử dụng đất của các bên được xác định bằng một cái bờ mẫu chạy dài từ đầu đất đến cuối đất. Nguyên đơn cho rằng, trước đây bờ mẫu khoảng 8 tát nhưng hiện tại chỉ còn 2-3 tát, hiện tại phần bờ mẫu vẫn nằm trong phần đất mà nguyên đơn đang sử dụng ổn định, phần đất tranh chấp ra phía ngoài bờ mẫu hướng về phía đất của bị đơn. Quá trình sử dụng đất nguyên đơn cho rằng ban đầu bị đơn có hành vi lấn ranh nhưng nguyên đơn không phát hiện cũng không có hành vi ngăn cản đến khi năm 2009 mới phát hiện và khi đo đạc lại tại cấp sơ thẩm mới phát hiện đất bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Bị đơn cho rằng không có hành vi lấn ranh như nguyên đơn trình bày.

Hội đồng xét xử xét thấy, phần đất của ông Nguyễn Văn T1 với bà Lê Thị C1 giáp ranh và cả hai đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông T1 canh tác thửa 629, 628, 627, 626 (phần đất số 3+7) có diện tích  $15.866,1\text{ m}^2$  đối chiếu giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000306 cấp ngày 10/7/1996 thì ông T1 được cấp là  $16.585\text{m}^2$ , như vậy ông T1 còn thiếu là  $718,9\text{m}^2$ , nếu tính luôn phần đất  $83,6\text{m}^2$  ông Võ Thanh T2 có trách nhiệm trả lại thì đất ông T1 chỉ còn thiếu  $635,3\text{m}^2$ . Hộ bà Lê Thị C1 có phần đất tại thửa 630 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00456 ngày 30/6/1999 có diện tích  $3.058\text{m}^2$  qua đo đạc thực tế phần đất số 5 có diện tích  $2.875,2\text{m}^2$  còn thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là  $172,8\text{m}^2$ , trong đó phần đất tranh chấp giữa 2 hộ là phần đất số 1 có diện tích  $113,7\text{m}^2$ , phần đất số 8 có diện tích  $5,2\text{m}^2$ . Như vậy, đất của các bên đều thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp. Thêm vào đó, hình thể thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các bên là ranh thẳng nhưng đối chiếu với kết quả đo đạc thực tế thì phần đất tranh chấp có hình thể không giống như hình thể theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, nguyên đơn cho rằng bị đơn lấn ranh đã nhiều năm nhưng không có hành vi ngăn cản cũng như không phát hiện ranh đất bị lấn và hiện tại bờ mẫu để xác định ranh đất giữa các bên vẫn còn và nguyên đơn khai vẫn nằm trong phần đất sử dụng ổn định của nguyên đơn. Ngoài ra, vào thời điểm năm 2009 nguyên đơn không chỉ tranh chấp ranh đất với bị đơn mà còn tranh chấp với các hộ lân cận khác nhưng sau đó rút đơn khởi kiện đối với những người còn lại. Việc xác định chỉ mỗi ông T2, bà C1 lấn ranh cũng chỉ là do nguyên đơn cho rằng các bị đơn lấn mà không có căn cứ để xác định cụ thể dẫn đến khởi kiện nhiều người, trong vụ án này không loại trừ các hộ khác lấn ranh.

Từ những phân tích nêu trên, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, kháng cáo của nguyên đơn đối với bà Lê Thị C1 phần đất có diện tích  $113,7\text{m}^2$  và  $5,2\text{m}^2$ .

[4] Về chi phí, lệ phí đo đạc định giá tài sản tranh chấp tại cấp sơ thẩm: 31.525.683 đồng, cấp sơ thẩm buộc ông Võ Thanh T2 phải nộp 10.000.000 đồng, ông T2 và ông T1 không kháng cáo đối với phần của ông T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với các chi phí còn lại 21.525.683 đồng do kháng cáo của ông T1 không được chấp nhận nên ông T1 phải nộp.

Đồng quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu G3 tham dự phiên tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

*Tuyên xử:*

1. Buộc ông Võ Thanh T2 có trách nhiệm giao trả cho ông Nguyễn Văn T1 phần đất có diện tích 83,6m<sup>2</sup>, được ghi chú (2) theo Mảnh T1ch đo địa chính số 138/TT.KTTN&MT ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang

*(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T1 yêu cầu bà Lê Thị C1 (những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Lê Thị C1 gồm: Bà Võ Thị N1; bà Võ Thị P2; bà Võ Thị M2; ông Võ Thanh H2; ông Võ Văn P3; bà Võ Thị T4; bà Võ Thị H4; ông Võ Thanh Đ1; ông Võ Văn P5; bà Võ Thị O) trả lại cho ông phần đất có diện tích 113,7m<sup>2</sup> được ghi chú (1) và phần đất có diện tích 5,2m<sup>2</sup> được ghi chú (8) theo Mảnh T1ch đo địa chính số 138/TT.KTTN&MT ngày 15/10/2018 của Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang

*(Có sơ đồ, bản vẽ kèm theo)*

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001168 ngày 31/7/2009 và 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 001165 ngày 31/7/2009. Các biên lai đều của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang. Ông T1 đã nộp xong án phí và được nhận lại 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

- Ông Võ Thanh T2 phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0018350 ngày 04/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Hậu Giang. Ông T1 đã nộp xong án phí.

5. Chi phí, lệ phí do đặc định giá tài sản: Ông Nguyễn Văn T1 phải nộp 21.525.683 đồng (Hai mươi một triệu năm trăm hai mươi lăm nghìn S1 trăm tám mươi ba đồng), ông T1 đã nộp xong. Ông Võ Thanh T2 phải nộp 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để hoàn trả lại cho Nguyễn Văn T1.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/11/2019.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND H. V;
- Chi cục THADS H. V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Võ Hoàng Khải**